TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37/2023/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 28 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị N, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: **X**, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Hà Văn B, sinh năm 1990. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: **X**, xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quàng Thị N và anh Hà Văn **B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Quàng Thị N và anh Hà Văn **B** thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị Quàng Thị N và anh Hà Văn **B** có 02 con chung là cháu Hà Tuấn Kiệt, sinh ngày 28/5/2018 và Hà Anh Tuấn sinh ngày 26/07/2011.

Giao cháu Hà Tuấn Kiệt, cháu Hà Anh Tuấn cho anh Hà Văn **B** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kiệt, cháu Tuấn trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chấp nhận anh **B** không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh **B**.

Sau khi ly hôn, chị N được quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Quàng Thị N và anh Hà Văn **B** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

e. Về án phí: Chị Quàng Thị N nhận chịu án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo **B** lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000212 ngày 09 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân